

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **84/2025/DS-ST**

Ngày: 03/3/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phúc Viễn;

2. Ông Nguyễn Văn Vẹn;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 460/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị Thu T1, sinh năm 1981;

HKTT: số 005 lô L, cư xá TĐ, phường 27, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh;

Chỗ ở hiện nay: 164 ấp TH, xã TT, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Chị Lê Thị Hồng T2, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp TP, xã TH, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (Theo Hợp đồng ủy quyền số 008555 ngày 12/11/2024).

Bị đơn: Anh Trần Hiền T3, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp BP, xã BPN, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

(Chị T2 có đơn đề nghị vắng mặt, anh T3 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Lưu Thị Thu T1, có đại diện ủy quyền là chị Lê Thị Hồng T2 trình bày:*

Do quen biết nên ngày 10/3/2022 chị Lưu Thị Thu T1 có cho anh Trần Hiền T3 vay số tiền 70.000.000 đồng. Khi vay tiền anh T3 có ký tên vào “Hợp đồng cho vay tiền”, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng từ ngày 10/3/2022 đến ngày 10/6/2022. Đến thời hạn thanh toán, anh T3 không trả được khoản tiền vốn và tiền lãi nào mặc dù chị T1 đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả nợ.

Do đó, chị T1 khởi kiện yêu cầu anh T3 có nghĩa vụ trả cho chị T1 số tiền 70.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo theo lãi suất 1,66%/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị T2 chỉ yêu cầu tính lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 10/3/2022 đến ngày xét xử, tạm tính đến ngày 24/12/2024 (33 tháng) là 19.242.300 đồng, tổng cộng vốn lãi là 89.242.300 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật

* Bị đơn anh Trần Hiền T3 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* *Tại phiên tòa:* Tại Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 02/3/2025, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị T2 trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu anh T3 trả số tiền nợ là 70.000.000 đồng, và yêu cầu tính lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 10/3/2022 đến ngày 03/3/2025, tính tròn là 35,5 tháng, thành tiền là 20.625.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 90.625.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Chị T2 xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh T3 vắng mặt không lý do.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng với quy định của pháp luật, trừ bị đơn không thực hiện đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lưu Thị Thu T1 khởi kiện yêu cầu anh Trần Hiền T3 trả số tiền nợ vay nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn anh T3 cư trú tại ấp BP, xã BPN, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tổ tụng dân sự.

[2] Đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Hiền T3 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tổ tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị T2 xin thay đổi mức lãi suất tính lãi. Xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Do quen biết nên ngày 10/3/2022 chị T1 có cho anh T3 vay số tiền 70.000.000 đồng. Khi vay tiền anh T3 có ký tên vào “Hợp đồng cho vay tiền”, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng từ ngày 10/3/2022 đến ngày 10/6/2022. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía nguyên đơn đã giao nộp 01 Hợp đồng cho vay tiền ngày 10/3/2022 có chữ ký của anh T3.

Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T3 nhưng anh vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì xem như anh T3 không có phản đối gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Do đó, có căn cứ xác định anh T3 còn nợ chị T1 số tiền vay là 70.000.000 đồng nên cần buộc anh T3 có nghĩa vụ trả số tiền trên cho chị T1.

[5] Về tiền lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị T2 yêu cầu tính lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 10/3/2022 đến ngày 03/3/2025, tính tròn là 35,5 tháng, thành tiền là 20.625.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 90.625.000 đồng. Xét thấy bị đơn đã vi phạm hợp đồng khi chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có cơ sở. Lãi suất và thời hạn tính lãi mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

[8] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 35, 39, 92, 147, 227, 228, 235, 238 và 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị Thu T1.

Buộc anh Trần Hiền T3 có trách nhiệm trả cho chị Lưu Thị Thu T1 số tiền nợ vay là 70.000.000 đồng và tiền lãi là 20.625.000 đồng, tổng cộng là 90.625.000 đồng (*Chín mươi triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Anh Trần Hiền T3 phải chịu 4.531.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Lưu Thị Thu T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.535.000 đồng theo biên lai thu số 0008052 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phan Thủy Uyên

